

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-PT
Ngày 20-01-2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Ông Trần Tấn Quốc

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hồng Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 587/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2020/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 568/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp X, xã P, huyện B, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1957;

2. Ông Huỳnh Kim M, sinh năm: 1957;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2013, đơn yêu cầu bổ sung ngày 19 tháng 12 năm 2018, trong văn bản ngày 12 tháng 12 năm 2013, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ngày 23/9/2009, bà Nguyễn Ngọc T có nhận chuyển nhượng của ông Trần Ngọc T thửa đất số 138, TĐĐ số 2-1, diện tích 160,2m², đất thổ, tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An do ông T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 640961 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 12/01/1998. Hai bên đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 92, quyền số 03/TP/CC-STC/HĐGD được Ủy ban nhân dân xã L chứng thực ngày 23/9/2009. Ngày 29/9/2009, bà Ngọc T được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Bến Lức) chỉnh lý sang tên. Ngày 12/7/2013, bà Ngọc T tiến hành kiểm tra lại diện tích thửa đất để xây dựng nhà thì diện tích bị thiếu so với giấy chứng nhận đã được cấp nên bà T xác định hộ liên kề với thửa đất của bà là vợ chồng bà Nguyễn Thị Huỳnh N, ông Huỳnh Kim M lấn chiếm đất với diện tích chiều ngang khoảng 01m, dài khoảng 12m, thuộc 01 phần thửa 138 nên bà có làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã L giải quyết, Ủy ban tiến hành hòa giải nhưng không T được thể hiện trong biên bản hòa giải không T ngày 24/10/2013. Vì vậy bà khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với bà N tại Tòa án nhân dân huyện B.

Bà T xác định khi bà nhận chuyển nhượng thửa đất số 138 thì bà không có đo đạc thực tế, vì năm 2009, ông T được cơ quan Thi hành án huyện B đã tiến hành lập biên bản giao nhà, đất. Bà xác định ranh giới giữa thửa đất số 138 và thửa đất liên kề của bà N có sẵn là 01 bức tường xây bằng gạch, chưa tô và có 04 cây trụ xi măng. Tuy nhiên, đến năm 2015, thì bà N đã tiến hành phá bỏ bức tường này, xây dựng lại bức tường mới như hiện nay và làm thay đổi cột mốc phía sau (phía Bắc) thửa đất nên lấn chiếm qua thửa đất của bà.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị Huỳnh N, ông Huỳnh Kim M có nghĩa vụ liên đới trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích đo đạc thực tế tại vị trí khu (C) là 16,9m² thuộc một phần thửa 138, TĐĐ số 2-1, tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo địa chính số 152-2015 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H đo vẽ ngày 15/9/2015, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ký duyệt ngày 05/10/2015. Trên đất tranh chấp có diện tích nhà (3) là 1,7m² và diện tích hồ nước (4) là 0,5m² do ông M và bà N tự ý xây dựng trên phần đất của bà T nên bà yêu cầu ông M bà N có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời. Bà Ngọc T tự nguyện bồi thường giá trị công trình này theo Biên bản định giá tài sản ngày 25/3/2014.

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh N ông Huỳnh Kim M cũng như người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch T1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất thuộc thửa 120, TĐĐ số 2-1, tọa lạc xã L, huyện B, tỉnh Long An, là do cụ Nguyễn Văn S là cha ruột bà N nhận chuyển nhượng từ bà Đoàn Thị Kim L. Sau đó, cụ S để cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N đứng tên trên hợp đồng chuyển nhượng từ bà Đoàn Thị Kim L vào năm 2002 và trên đất có căn nhà vách cây, lợp tole. Bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 133,3 m². Giáp ranh với thửa đất 120 là thửa đất số 138 của ông Trần Ngọc T đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Ngọc T. Ranh giới giữa 02 thửa đất là bức tường xây gạch và có 03 trụ cột xi măng, không phải 04 trụ như bà T trình bày. Vào cuối năm 2011, vợ chồng bà N ông M sửa chữa nhà lá thành căn nhà cấp 4 và xây dựng

hàng rào như hiện trạng bây giờ nhưng bà N xây dựng đúng với phần ranh đất đã có cột mốc rõ ràng và có chụp ảnh các cột mốc vẫn còn nguyên vẹn, không lấn chiếm qua phần đất của bà T như trình bày của bà T.

Theo biên bản giao nhận nhà và đất ngày 05/8/2009 của cơ quan Thi hành án cùng với các cơ quan chuyên ngành huyện B và chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân xã L cùng với bên nhận đất là ông Trần Ngọc C con ruột ông Trần Ngọc T, bên giao đất là bà Bùi Thị B đã chứng kiến đo đạc, cắm cột mốc đã thống nhất ranh.

Hiện trạng phần đất phía sau thửa đất là cái ao, chủ đất trước đây bà Bùi Thị B đã thuê người san lấp nên chiều ngang phần đất phía trước lớn hơn chiều ngang phía sau. Cơ quan Thi hành án dân sự huyện B đề nghị ông T đến địa chính xã L để điều chỉnh theo biên bản lập ngày 05/8/2009. Nhưng ông T không thực hiện và chuyển nhượng cho bà T theo diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 160,2 m². Ngoài ra, phần diện tích nhà, đất mà bà B giao lại cho ông Trần Ngọc T có nguồn gốc là đất chuồng ngựa nhà của ông N. Sau đó, ông N cho bà Nguyễn Thị L cất nhà tình nghĩa diện tích 4m x 6m = 24 m², bà L chết nên sau này bà B đến ở và có xin ông N thêm phần đất trống còn lại phía sau nhà tình nghĩa là cái ao rất lớn. Bà B đã đổ đất đắp mặt bằng và làm lại nhà diện tích 4m x 12,2m = 48,8m² có cả một phần nhà phía sau và đất trống đã đắp thuộc thửa đất số 138, tờ bản đồ số 2-1. Do đất là cái ao nên chiều ngang phía sau thửa đất có diện tích nhỏ hơn ngang phía trước. Khi cơ quan Thi hành án huyện B đo thực tế đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng không khớp, diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lớn hơn diện tích thực tế. Vì vậy trước yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu vợ chồng bà N, ông M phải trả lại phần đất mà bà T cho rằng bị lấn chiếm thì phía bà N không đồng ý.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2020/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B đã căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, khoản 1 Điều 175, khoản 2 Điều 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100, 166, 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013 đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T đòi với bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh N, ông Huỳnh Kim M về việc buộc bị đơn phải trả lại phần đất lấn chiếm tại vị trí khu (C) là 16,9m² thuộc một phần thửa 138, TBĐ số 2-1, tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo địa chính số 152-2015 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H đo vẽ ngày 15/9/2015, được Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai tại huyện B ký duyệt ngày 05/10/2015.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với phần diện tích đất thực tế sử dụng.

2. Chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ là 8.700.000 đồng nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T phải chịu toàn bộ số tiền này (đã nộp xong).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí là 300.000 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000 đồng theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí của Tòa án số 00779 ngày 12/12/2013 và 300.000 đồng theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí của Tòa án số 0007306 ngày 19/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Long An chuyển sang án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí còn thừa cho bà Nguyễn Ngọc T là 200.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27 tháng 10 năm 2020 nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T làm đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh N và ông Huỳnh Kim M trả cho bà T 16,9m² đất thuộc một phần thửa 138 tờ bản đồ số 2-1 đã lấn chiếm được xác định là khu C trong trích đo bản đồ địa chính.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, các đương sự yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và sau khi Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thì Tòa án mở lại phiên tòa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, trình bày cho rằng khi bà T nhận chuyển nhượng đất có tiến hành đo đạc, xác định chiều ngang thửa đất cạnh hướng nam là 5,4m, việc đo đạc do bà T tự đo không có mặt của bà N và ông M. Do bà N ông M tự ý di dời cột trụ ranh giới, xây dựng tường lấn chiếm vào đất của bà T, khi bà T chuẩn bị xây dựng nhà, đo lại mới thấy đất của bà T bị thiếu, bà T yêu cầu bà N ông M tháo dỡ vật kiến trúc trên phần đất lấn chiếm, giao trả quyền sử dụng đất cho bà T. Bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh N ông Huỳnh Kim M không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, trình bày cho rằng việc xây dựng vật kiến trúc trên đất là đúng ranh giới.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng:

Vào năm 2009 bà T nhận chuyển nhượng đất của ông Trần Ngọc T thửa đất số 138, liền kề với thửa đất của bà T là thửa đất số 120 của bà N. Vào năm 2013 khi bà T kiểm tra lại diện tích đất thấy thiếu nên làm đơn khởi kiện. Trong khi đó khi nhận chuyển nhượng thì bà T không trưng cầu cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc. Thửa đất của bà T nhận chuyển nhượng từ ông T được xác định là thiếu diện tích do quá trình thi hành án từ việc tranh chấp với bà Bùi Thị B. Bà T chỉ dựa vào

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để khởi kiện là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T được làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bà Nguyễn Ngọc T khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Nguyễn Thị Huỳnh N và ông Huỳnh Kim M. Theo mảnh trích đo địa chính số 152-2015 ngày 15 tháng 9 năm 2015 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B phê duyệt ngày 05 tháng 10 năm 2015 thì phần diện tích đất tranh chấp được xác định tại vị trí khu C diện tích 16,9m² vị trí giữa thửa đất số 138 của bà Nguyễn Ngọc T và thửa 120 của bà Nguyễn Thị Huỳnh N ông Huỳnh Kim M, hiện trạng toàn bộ phần diện tích đất tranh chấp bà N ông M đã xây dựng nhà và tường rào nên bà T yêu cầu bà N ông M tháo dỡ vật kiến trúc giao trả quyền sử dụng đất cho bà T. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà T nên bà T kháng cáo.

[3] Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 640961 ngày 12 tháng 01 năm 1998 của ông Trần Ngọc T được chỉnh lý sang tên cho bà Nguyễn Ngọc T vào ngày 29 tháng 9 năm 2009 thì diện tích thửa đất số 138 là 160,20m² và căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 373842 ngày 23 tháng 6 năm 2003 thì thửa đất số 120 có diện tích là 133,30m². Như vậy nếu đối chiếu với hiện trạng đất thực tế của hai thửa đất theo mảnh trích đo địa chính số 152-2015 ngày 15 tháng 9 năm 2015 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H thì diện tích đất của bà T là 144m² còn thiếu 16,2m²; còn diện tích đất của bà N là 141m² còn thừa 7,7m². Nếu cộng phần thừa của thửa đất của bà N thì bà T vẫn chưa đủ diện tích đất bị thiếu, còn nếu lấy cho đủ diện tích đất của bà T thì phần diện tích đất của bà N bị thiếu.

[4] Xét thấy: Nguồn gốc thửa đất số 138 của bà Nguyễn Ngọc T có được là do nhận chuyển nhượng của ông Trần Ngọc T bằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 23 tháng 9 năm 2009, theo xác nhận tại Công văn số 336/CV-VPĐK ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B thì khi lập hợp đồng chuyển nhượng không tiến hành đo đạc mà chỉ căn cứ vào trích đo địa chính. Vào năm 2006 ông T đã tranh chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà với bà Bùi Thị B. Căn cứ vào hồ sơ giải quyết theo trình tự sơ thẩm số 126/2006/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2002 của Tòa án nhân dân huyện B và hồ sơ giải quyết theo trình tự phúc thẩm số 23/2006/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An thì việc bà Bùi Thị B tranh chấp căn nhà diện tích 48,8m² xây dựng trên thửa đất 160,20m², Tòa án không trưng cầu cơ quan chuyên môn đo đạc thửa đất mà chỉ căn cứ vào trích lục bản đồ địa chính cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm cơ sở giải quyết quyền sử dụng đất, còn diện tích căn nhà thì căn cứ vào sơ đồ mặt bằng nhà ở của Phòng Hạ tầng kinh tế huyện B để xác định diện tích (BL 67). Đối với thửa đất số 120 của bà Nguyễn Thị Huỳnh N thì có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của bà Đoàn Thị Kim L bằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21 tháng 8 năm 2002, hợp đồng này cũng chỉ căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trích lục bản đồ địa chính chuyển nhượng

trộn thừa không tiến hành đo đạc. Chính vì vậy không thể căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất làm cơ sở giải quyết vụ án.

[5] Xét quá trình sử dụng đất thấy rằng:

[5.1] Sau khi Bản án số 87/2006/DS-PT ngày 10/3/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An có hiệu lực pháp luật với quyết định “...buộc bà Bùi Thị B hoàn trả cho ông Trần Ngọc T căn nhà có diện tích $48,8m^2$ tọa lạc trên diện tích $160,2m^2$, tờ bản đồ 2-1 thửa 138 ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An...”, thì cơ quan Thi hành án huyện B đã tiến hành lập biên bản về việc tự nguyện giao nhận nhà và đất của ông Trần Ngọc T và bà Bùi Thị B ngày 05/8/2009. Theo đơn xác nhận ngày 18/12/2013 của bà Bùi Thị B là người trực tiếp sử dụng nhà đất, đã giao quyền sử dụng đất cho ông T qua cơ quan thi hành án xác định, vào năm 2009 khi hai bên tiến hành bàn giao nhà, đất theo bản án của Tòa án, thì diện tích đất thực tế còn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ông Trần Ngọc C là con của ông T không đồng ý nhận, sau đó mới đồng ý nhận. Đồng thời, ông Huỳnh Cao N, chấp hành viên thời điểm đó đã cắm mốc phía trước (phía Nam) nhà 01 cọc, phía sau (phía Bắc) 01 cọc sát ranh đất với cụ Nguyễn Văn S (cha ruột bà N). Ngày 26/12/2013, thì ông N cũng có lời khai xác nhận thực tế đất còn thiếu diện tích chiều ngang phía sau nhỏ hơn diện tích chiều ngang phía trước nhưng ông C vẫn nhận đất theo thực tế.

[5.2] Các đương sự đều thừa nhận ranh giới giữa hai thửa đất là 04 trụ xi măng theo đường thẳng, qua xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện B và Tòa án tỉnh Long An thì hiện tại vẫn còn 03 trụ, ba trụ này các bên thống nhất, bà N sử dụng xây dựng đúng ranh giới, còn 01 trụ còn lại ở hướng Nam giáp lối đi công cộng không còn. Theo bức ảnh số 9 (bút lục 126) thì trụ số 4 vẫn còn và bà N xây dựng nhà phía trong trụ số 4 đúng ranh giới, tuy nhiên bà T cho rằng bà N tự ý dịch chuyển trụ số 4 nên xây dựng nhà lấn chiếm, thời điểm dịch chuyển trụ số 4 thì bà T không xác định. Tuy nhiên lời trình bày của bà T không có chứng cứ chứng minh, không phù hợp với quá trình thi hành án, vì ranh giới giữa hai thửa đất là ranh giới thẳng, trong khi 03 trụ cột còn lại đúng thì việc dịch chuyển trụ cột thứ tư sẽ cho hình thể thửa đất gấp khúc và có sự thay đổi. Mặt khác, khi bà N ông M xây dựng lại nhà thì bà T hoàn toàn không có ý kiến tranh chấp vào năm 2011, chỉ khi bà T đo đạc lại phát hiện ra đất bị thiếu nên làm đơn khởi kiện.

[5.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T xuất trình lời khai của hai người làm chứng là ông Nguyễn Đức M và ông Huỳnh Văn E là hai người giới thiệu cho bà T nhận chuyển nhượng thửa đất số 138 xác định bà N có lấn chiếm đất của bà T, tuy nhiên những người này không thực tế sử dụng đất, không tham gia vào quá trình thi hành án nên không căn cứ vào lời khai của những người này làm cơ sở giải quyết vụ án.

[6] Từ những nhận định trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, bà T kháng cáo không đưa ra được chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, chấp nhận đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí phúc thẩm: Bà T phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Bác yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc T;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2020/DS-ST ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 175, khoản 2 Điều 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 100, 166, 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 26, 27, 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh N, ông Huỳnh Kim M về việc buộc bị đơn phải trả lại phần đất lấn chiếm tại vị trí khu (C) là 16,9m² thuộc một phần thửa 138, TBĐ số 2-1, tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Mạnh trích đo địa chính số 152-2015 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H đo vẽ ngày 15/9/2015, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ký duyệt ngày 05/10/2015.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với phần diện tích đất thực tế sử dụng.

2. Chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ tại Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm: Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu là 10.500.000 đồng. Số tiền này bà T đã nộp và chi phí xong.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí của Tòa án số 00779 ngày 12/12/2013; 300.000 đồng theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí của Tòa án số 0007306 ngày 19/12/2018 và 300.000 đồng theo biên lai số 0002453 ngày 27/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Long An. Hoàn trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền còn thừa là 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Nga

